TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 134/2018/DS-PT Ngày: 21/8/2018 V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi, vay tài sản và đầu tư vốn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Ông Phạm Đình Thi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi, vay tài sản và đầu tư vốn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Diệp Thị M, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, phường S, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Kim X (Út T), sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, phường S, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q - Văn phòng luật sư Thụy Q, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, phường S, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

2. NLQ2, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, phường S, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Kim X - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Diệp Thị M trình bày:* Vào ngày 29/9/2013 âm lịch (02/11/2013 dương lịch), bà M tham gia chơi hụi do bà X (Út T) làm chủ hụi. Dây hụi 3.000.000 đồng, có 42 chân hụi, mỗi tháng khui một lần. Bà M tham gia chơi 05 chân hụi, ngoài ra có mua lại của bà X thêm 09 chân hụi, trong đó có 02 chân hụi của bà X trực tiếp tham gia trong dây hụi . Trong tờ giấy ghi tên 42 người chơi hụi, bà X có ghi bà M chơi 05 chân: số thứ tự 26, 27, 33, 37 và 38 với nhiều tên khác nhau.

Đối với 02 chân hụi mua, cụ thể: Ngày 29/10/2013 âm lịch (01/12/2013 dương lịch) bà M có mua một chân hụi của bà X, thời điểm này có một chân hụi chết và còn 41 chân hụi sống (1 chết x 3.000.000 = 3.000.000; 41 sống x 1.370.000 = 56.170.000). Bà X ăn cò 1.500.000 đồng, nên số tiền mặt bà M đưa cho bà X là 57.670.000 đồng. Tháng 5/2016 âm lịch, bà M đã hốt 01 chân hụi mua này với tổng số tiền được hốt là 96.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà X chỉ giao cho bà M 40.000.000 đồng, còn nợ lại 56.000.000 đồng, bà X có ghi vào 01 tờ giấy có nội dung là: "1 đầu còn thiếu 56.000.000: 9".

Ngày 29/12/2013 âm lịch (29/01/2014 dương lịch), bà M mua thêm một chân hụi của bà X, khi đó còn 40 người sống x 1.190.000 đồng = 47.600.000 đồng, 2 người chết x 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng, bà X lấy tiền cò 1.500.000 đồng. Vì vậy bà M đã giao số tiền mua hụi cho bà X là 52.100.000 đồng. Bà M nuôi chân hụi này trong 03 năm nên số tiền hụi được hưởng là: 42 người x 3.000.000 đồng = 126.000.000 đồng, trừ tiền cò 1.500.000 đồng, còn lại 123.000.000 đồng. Đến ngày 29/6/2016 âm lịch (01/8/2017 dương lịch), bà X ngưng gom hụi, thời điểm này đã có 33 người hốt (hụi chết), còn lại 09 chân chưa hốt (hụi sống). Như vậy, bà M đã thực hiện nghĩa vụ của hụi viên, đã đóng hụi đầy đủ cho bà X là 33 lần (từ ngày 02/11/2013 - 01/8/2017 dương lịch) x 05 chân hụi x 3.000.000 đồng = 495.000.000 đồng.

Ngoài ra, trước đây bà M có từng chơi dây hụi khác của bà X, sau đó bà X còn nợ bà M tiền hụi là 178.000.000 đồng. Bà X có ghi vào tờ giấy thể hiện nội dung "29/3/16 chị út tài nợ hụi 178000000 út tài còn nợ lại 178.000.000".

Ngày 19/01/2016, bà X có dọn hụi nhỏ, dây hụi 1.000.000 đồng có 24 người chơi. Bà X bán một chân hụi này cho bà M. Thời điểm đó, do hụi mới dọn nên bà X mới ghi dòng chữ "Hụi mới 18.250.000". Việc tính toán, ghi số tiền đều là chữ của bà X, bà M chỉ có ghi chú phía trên tờ giấy là "chị út Tài bán hụi cho Ny". Bà M đã giao số tiền 18.250.000 đồng cho bà X.

Bà M có đầu tư vốn mua bán cá phân với bà X với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Bà M là người trực tiếp giao số tiền trên cho bà X, bà X tự ghi vào tờ giấy dòng chữ: "út Tài nhận Nghĩa 30.000.000". Mặc dù ghi tên chồng bà M (NLQ2) nhưng bà M là người trực tiếp giao tiền cho bà X.

Như vậy, tổng cộng các khoản tiền nêu trên là tổng số tiền bà X còn nợ bà M. Cụ thể: 56.000.000 đồng + 123.000.000 đồng + 495.000.000 đồng + 178.000.000 đồng + 18.250.000 đồng + 30.000.000 đồng = 900.250.000 đồng. Từ tháng 6/2016 đến tháng 11/2016, bà X đã trả cho bà M nhiều lần (thông qua người hụi viên tên H) được số tiền 60.000.000 đồng. Vì vậy, bà X còn nợ bà M tổng số tiền là 840.250.000 đồng. Bà M khởi kiện yêu cầu bà X cùng chồng là NLQ1 phải liên đới trả cho bà Mến số tiền 840.250.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà M yêu cầu bà X và NLQ1 phải trả tiền gốc của các chân hụi + tiền lãi theo quy định của pháp luật , đồng thời rút lại yêu cầu khởi kiện đối với 01 đầu hụi mới 18.250.000đ (Mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Cụ thể, bà M chỉ yêu cầu bà X và NLQ1 phải trả các khoản nợ như sau:

+ Tổng cộng 33 lần chầu hụi của dây hụi ngày 29/9/2013 âm lịch (02/11/2013 dương lịch) là 42.210.000 đồng/chân hụi x 05 chân thành tiền là 211.050.000 đồng + tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/9/2013 âm lịch (02/11/2013 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm , trừ đi số tiền bà M đã nhận của bà X tổng cộng là 84.000.000 đồng.

+ Số tiền mua 01 chân hụi ngày 29/10/2013 âm lịch (01/12/2013 dương lịch) là 57.670.000 đồng. Bà X đã đưa số tiền 40.000.000 đồng, nay yêu cầu trả lại 17.670.000 đồng + tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 29/10/2013 âm lịch (01/12/2013 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Số tiền mua 01 đầu hụi ngày 29/12/2013 âm lịch (29/01/2014 dương lịch) là 52.100.000 đồng + tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 29/12/2013 âm lịch (29/01/2014 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Số tiền hụi cũ còn thiếu là 178.000.000 đồng theo tờ giấy biên nhận ghi ngày 29/3/2016 (05/5/2016 dương lịch).

+ Số tiền đầu tư vốn mua bán cá phân 30.000.000 đồng.

* *Bị đơn bà Trần Kim X trình bày :* Bà X thừa nhận có làm chủ hụi của dây hụi 3.000.000 đồng có 42 phần chơi (đầu hụi), mỗi tháng khui 01 lần, khui lần đầu tiên vào ngày 29/9/2013 âm lịch (02/11/2013 dương lịch), bà X được hưởng hoa hồng là 1.500.000 đồng/lần khui hụi. Bà M có tham gia 05 phần hụi, sau đó có mua thêm 09 phần của hụi viên khác và của bà X. Đối với 09 phần hụi mua thì bà M đã hốt xong. Do có tiền lời từ 09 phần hụi mua nên hàng tháng bà M không phải chầu 05 phần hụi chơi mà còn có thêm tiền lãi tùy theo mỗi tháng hốt hụi. Sau đó, do các hụi viên gồm chị X (chơi 03 phần), chị Hải B (chơi 01 phần), chị Q(chơi 01 phần), chị Thu L (chơi 01 phần), chị Khải O (chơi 01 phần) đều không chầu hụi cho bà X, vì hụi viên Tiêu Ngọc H (là cháu bà M, hiện nay không còn ở T và không rõ đang cư trú ở đâu) hốt hụi xong không chầu nữa. Mỗi tháng bà Xphải đi vay tiền bên ngoài để tràn hụi cho các hụi viên. Đối với phần của bà M, mỗi lần hốt hụi của những phần hụi mua , bà X không đưa đủ tiền. Trong khi đó, bà X có vô 01 phần hụi của bà Trần Thị N làm chủ, loại hụi 10.000.000 đồng/tháng, áp thảo ngày 09/3/2016 có 65 phần chơi. Ngay khi bà N mới mở dây hụi này , bà X

thỏa thuận bán cho bà M chân hụi này và sau đó đồng ý cho bà M trực tiếp đi hốt hụi với bà N số tiền 394.000.000 đồng để cấn trừ vào các khoản tiền mà bà X còn nợ bà M. Phần bà X vẫn phải chầu hụi cho bà N hàng tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi mãn hụi.

Đến ngày 29/6/2016 âm lịch (01/8/2017 dương lịch), bà X không còn khả năng gom hụi nên mới tuyên bố ngưng hụi để gom hụi được bao nhiêu thì chia đều cho 09 phần hụi sống còn lại tương đương 09 tháng, trong đó bà M còn 05 phần hụi sống (thời điểm này đã có 33 phần hụi chết). Bà X chỉ trả được 02 lần (02 tháng) thì không còn khả năng nữa. Do nhiều hụi viên khác giật hụi, không chầu hụi chết nên bà X không có khả năng gom hụi trả cho 05 chân hụi sống của bà M. Đối với tất cả các khoản nợ khác mà bà M yêu cầu thì bà X đều không thừa nhận. Vì bà X đã thanh toán cho bà M xong bằng việc cho bà M hốt hụi của bà N để cấn trừ vào tất cả các khoản nợ mà bà X nợ bà M.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà X không đồng ý với tất cả các yêu cầu khởi kiện của bà M và không thừa nhận còn nợ bà M, chỉ thừa nhận đến thời điểm ngưng hụi ngày 29/6/2016 âm lịch (01/8/2017 dương lịch), bà M còn 05 chân hụi sống. Bà X cũng trình bày việc bà M kiện yêu cầu NLQ1 cùng trả nợ với bà X là không đúng. Vì việc làm hụi, nợ nần giữa bà X và bà M thì NLQ1 không hay biết, bà X với NLQ1 ở với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Hơn nữa, bà X cũng không có lời từ việc làm chủ hụi nên không thể dùng tiền lời để chi xài trong sinh hoạt gia đình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *NLQ2 trình bày:* Ông là chồng của bà M. Bà M có khởi kiện bà X và NLQ1 để đòi lại số tiền nợ hụi, vay mượn và đầu tư vốn. Đối với khoản nợ đầu tư vốn số tiền 30.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng NLQ2, bà M. Vào ngày 15/11/2015 âm lịch (25/12/2015 dương lịch), bà Trần Kim X có điện thoại hỏi mượn NLQ2 số tiền 30.000.000 đồng. Đây là tiền gối đầu cho bà X, vì NLQ2 cho bà X ứng tiền trước để bà X đánh bắt cá và sau đó bán lại cho NLQ2. NLQ2 có gọi cho bà M nói là đưa cho bà X mượn 30.000.000 đồng là tiền đầu tư vốn. Bà M có đưa cho bà X số tiền trên và cho bà X viết vào tờ giấy thể hiện việc mượn tiền (bà M đã nộp cho Tòa án). Do đó, trong tờ giấy bà X có ghi là mượn Ng hoặc nhận Ng số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay bà X không trả lại số tiền trên cho NLQ2, bà M. Vì đây là tiền chung của vợ chồng nên NLQ2 thống nhất với yêu cầu của bà M về việc yêu cầu bà X và NLQ1 phải trả lại số tiền 30.000.000 đồng.

Bà M là người đại diện theo ủy quyền của NLQ2 thống nhất với tất cả lời trình bày nêu trên của ông Nghĩa và không bổ sung ý kiến gì thêm.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm NLQ1 trình bày:* Ông và bà Trần Kim X chung sống với nhau khoảng từ năm 1993 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Hiện nay, ông và bà X không còn chung sống với nhau. Quá trình bà X dọn hụi và nợ nần với bà M như thế nào thì ông hoàn toàn không biết do ông thường xuyên đi biển, ít khi có mặt ở nhà. Vì vậy ông không có liên quan gì trong vụ án do bà M khởi kiện, ông không đồng ý với yêu cầu của bà M về việc yêu cầu ông cùng liên đới với bà X trả nợ cho bà M, NLQ1.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị M. Buộc bà Trần Kim X phải trả cho bà Diệp Thị M tổng số tiền là 494.217.861 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu bà X phải thanh toán số tiền hụi 18.250.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* *Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 08/5/2018 bà X có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án, bởi bà M không chầu tiền cho bà, bà là người đã đưa tiền hụi lại cho bà M. Bà yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H và bác yêu cầu khởi kiện của bà M.

Xét về thủ tục tố tụng, phía NLQ1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt hai lần không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Phía bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, Luật sư Q nêu quan điểm tranh luận cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót trong việc thu thập chứng cứ cũng như vi phạm thủ tục tố tụng, vì trong hồ sơ phía bà X có lời trình bày yêu cầu được khấu trừ số tiền hụi bà M hốt 9 đầu chết với số tiền bà M chưa hốt 5 đầu hụi mua, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bà X làm đơn phản tố. Đối với số tiền mua hụi 52.100.000 đồng thực tế bà M mua hụi của bà H và đã hốt rồi, nên bà X không nợ bà M khoản tiền này. Đối với số tiền 178.000.000 đồng bà X đã trả cho bà M thông qua đầu hụi bà X vô của chủ hụi bà N và bà M đã hốt hụi được 394.000.000 đồng, còn bà X phải đóng hụi chết cho bà N. Theo đơn khởi kiện của bà M đòi bà X trả nợ 840.250.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm bà M đã rút lại yêu cầu chỉ đòi nợ bà X khoản nợ hụi gốc và lãi theo quy định của pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đình chỉ số tiền bà M rút 18.000.000 đồng là không phù hợp pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Luật sư Q đề nghị hủy bản án sơ thẩm là vượt quá nội dung kháng cáo của bà X.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà X và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí phải buộc bà M nộp đối với số tiền đòi nợ hụi không được chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà X, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đều thừa nhận phía bà X có tổ chức dây hụi 3.000.000 đồng vào ngày 29/9/2013 âm lịch, có 42 chân hụi viên tham gia, trong đó bà M tham gia 05 chân hụi và có mua thêm 09 chân hụi, mỗi tháng khui hụi một lần, phía chủ hụi hưởng hoa hồng 1.500.000 đồng mỗi lần khui hụi. Tại biên bản đối chất ngày 17/7/2017, phía bà X thừa nhận đến ngày 29/6/2016 âm lịch thì bà X tuyên bố ngưng hụi, lúc này phía bà X còn nợ bà M 05 đầu hụi sống và một phần của một đầu hụi mua mà bà M đã hốt, số tiền còn nợ 56.000.000 đồng, xin trả vốn gốc của 05 đầu hụi sống và 56.000.000 đồng (Bút lục 336). Theo nội dung đơn kháng cáo của bà X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng Luật sư Q đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là vượt quá yêu cầu kháng cáo của bà X, nên không có cơ sở pháp lý xem xét đề nghị của Luật sư.

[2] Đối với 05 chân hụi mua, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của bà M và bà X thống nhất số tiền bà M đã đóng cho bà X từ ngày 29/9/2013 âm lịch đến ngày 29/5/2016 âm lịch mỗi chân hụi là 42.210.000 đồng, tổng cộng 05 chân hụi bằng 211.050.000 đồng (Bút lục 39, 40, 69) và tính lại tiền lãi từ ngày 02/11/2013 đến ngày 18/4/2018 theo mức lãi 0,75%/ tháng tương ứng với mỗi lần bà M góp hụi theo bảng kê tính từng lần đóng hụi của bà M là có lợi cho phía bà X, việc bà X cho rằng số tiền hụi này là bà M lấy tiền lãi từ những đầu hụi mua để cấn trừ vào tiền đóng hụi nên bà M không có đóng tiền hụi thực cho bà X là không có cơ sở chứng cứ và mâu thuẫn với lời khai thừa nhận nợ của bà X nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm tranh luận của Luật sư Q cho rằng bà X không có nợ đối với khoản nợ hụi này.

[3] Đối với đầu hụi bà M mua lại của bà X vào ngày 29/10/2013 âm lịch số tiền 57.670.000 đồng. Ngày 29/5/2016 âm lịch bà M đã hốt đầu hụi mua này được 96.000.000, bà X giao cho bà M 40.000.000 đồng và thừa nhận còn nợ lại 56.000.000 đồng (Bút lục 30, 33, 160, 307, 356), bà X cho rằng đã trừ vào số tiền bà M hốt hụi của bà N do bà tham gia, nhưng phía bà M phủ nhận, trong khi bà M hốt hụi của bà N vào ngày 09/3/2016 âm lịch theo như lời bà N khai (Bút lục 336), như vậy bà M hốt đầu hụi mua vào ngày 29/5/2016 âm lịch là hốt sau này (Bút lục 160), nên việc cấn trừ nợ theo như bà X trình bày là không có cơ sở chứng cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lại số tiền nợ hụi bà M mua 57.670.000 đồng, trừ đi số tiền bà X giao hụi 40.000.000 đồng, số tiền còn lại 17.670.000 đồng tính lại lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước 0,75%/tháng là phù hợp pháp luật, nên

không có cơ sở chứng cứ chấp nhận quan điểm tranh luận của Luật sư Q về nội dung kháng cáo này của bà X.

[4] Đối với đầu hụi bà M mua lại của bà X vào ngày 29/12/2013 âm lịch số tiền 52.100.000 đồng, căn cứ vào giấy mua bán hụi và sự thừa nhận của các đương sự (Bút lục 36), Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lại tiền lãi theo mức lãi 0,75%/tháng từ ngày 29/12/2013 âm lịch tức ngày 29/01/2014 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 18/4/2018, để buộc phía bà X hoàn trả lại cho bà X là phù hợp pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía bà X cung cấp chứng cứ số tiền nợ hụi này là bà M mua của bà Huyền và đã hốt rồi, nhưng phía bà M cho rằng bà H là cháu của Xuyến và không thừa nhận việc mua hụi của bà H, Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thừa nhận của bà X tại bút lục 36, nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà X.

[5] Đối với số tiền nợ hụi 178.000.000 đồng phía bà X thừa nhận đã viết vào tờ giấy nợ bà M (Bút lục 31,102), phía bà X cho rằng đã cấn trừ vào số tiền bà M hốt hụi của bà N mà bà X tham gia một chân hụi của bà N với số tiền 394.000.000 đồng, nhưng phía bà M không thừa nhận việc cấn trừ này, trong khi giấy nhận nợ này phía bà M vẫn giữ và cung cấp cho Tòa án để chứng minh, do đó, khai nại của bà X không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh để chấp nhận yêu cầu của bà M là phù hợp pháp luật.

[6] Đối với khoản nợ ứng đầu tư vốn mua bán cá phân là 30.000.000 đồng bà X cho rằng đây là khoản nợ hụi và bà M kêu bà phải ghi là nhận Ng 30.000.000 đồng nhưng phía bà M không thừa nhận, trong khi bà X thừa nhận tờ giấy ghi ngày 15/11/2015 âm lịch thể hiện bà X (Út T) có mượn 30.000.000 đồng của NLQ1 (Bút lục 35) là chồng bà M là do bà viết và chính bà X cũng thừa nhận có từng làm ăn mua bán cá phân với vợ chồng bà M (Bút lục 333), do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà X có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho bà M là phù hợp chứng cứ trong hồ sơ.

[7] Tuy nhiên, phía bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu bà X trả tổng cộng số tiền nợ 840.250.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền bà X trả nợ cho bà M 494.217.861 đồng, tính tròn 494.217.000 đồng và đình chỉ phần yêu cầu của bà M rút lại số tiền nợ hụi 18.250.000 đồng, nhưng không buộc bà M chịu nộp tiền án phía dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 840.250.000 đồng - 494.217.000 đồng - 18.250.000 đồng = 327.783.000 đồng là có sai sót, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc sửa bản án sơ thẩm phần này, cụ thể bà M phải chịu án phí giá ngạch 5% của số tiền 327.783.000 đồng là: 16.389.150 đồng, tính tròn 16.389.000 đồng.

Cho nên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận quan điểm tranh luận của Luật sư Q, chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Trần Kim X và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà X phải nộp 300.000 đồng do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Trần Kim X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Trần Kim Xuyến.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số số 03/2018/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 305, 471, 476, 477, 479 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị M.

1. Buộc bà Trần Kim X có nghĩa vụ phải trả cho bà Diệ p Thị M tổng số tiền nợ là 494.217.000 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M đòi bà X trả số tiền nợ hụi 327.783.000 đồng.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu bà X phải thanh toán số tiền nợ hụi 18.250.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Kim X phải nộp án phí giá ngạch bằng số tiền: 23.768.680 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Buộc bà Diệp Thị M phải nộp án phí giá ngạch bằng số tiền: 16.389.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Diệp Thị M đã nộp 18.783.750 đồng theo biên lai thu tiền số 0001099 ngày 06/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang, bà M được nhận lại số tiền: 2.394.750 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Buộc bà X phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà X đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004533 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thị xã H;
- THA dân sự thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn